

chấp chánh 17

ngầy 14

嘉隆七年五月 日

依首本東方

AB 496

點迷曲

黃春瀚手抄

Bài này phiên âm bản viết có AB 496, không húy chữ 時. Bản đầy đủ, chỉ rách một tờ đầu, mất ít chữ về tựa.

Lại có bản 京北詩選 AB 602 cũng có chép bài trên đầy đủ, có khác một vài chữ (sau đây kê ở dưới trang) nhiều chữ sai, nhưng cũng có chữ đúng hơn (có chữ). Bản sau viết sau bản trước (?)

Tác giả là ai? *(1) là Trần Hiếu theo Đại nam Thực lục* ~~có lẽ chính là~~ Đạt Sĩ 詩, người Kinh Bắc, là kẻ làm bài Trần ngôn chăng? Xét văn bài Trần ngôn thì kém bài Điểu mê nhiều, ~~sợ không phải của một tác giả? Nhưng sự kém ấy có thể [?] kẻ sao làm và tác giả không có lỗi. Còn bài điểu mê thứ hai (mà sau đây sẽ gọi là Nam hạ khiển khổ) thì chắc của tác giả bài này~~

Văn bài *Điểu mê* này rất hay: lưu-loát, gọn gàng. Ý sâu sắc, thích-đáng. Tác giả thật là một tay kiêm thi-nhân và chính trị

(1965) Loạn này có lẽ là loạn 阮詳 (?). Đại Nam Thực lục (I Kỷ Q.33) chép: Tháng 11 năm GL thứ 6 (1807) ở Sơn nam hạ giặc nổi, vây phủ 天長. Tri phủ 阮亮 (?) và cai đội 阮文代 (?) đều chết trận. Quan Bắc thành được tin báo, ngầm sai phó đội 枚日效 (?) nhập bọn, rồi sai phó quản thập cơ Tả quân là 吳文彥 (?) đem quân đánh dẹp. V. Hiếu ngầm dụ tướng giặc là 阮詳 (?) và đồ đảng hơn 20 người. Quan quân tiến đến 真定, giặc vỡ chạy, chém được hơn 100 thủ cấp và bắt được 18 tên. Việc tâu lên, cho V Hiếu chức Cai đội, ban cho mũ áo và 500 quan tiền, thưởng cho biền binh đi đánh 3000 quan. Tặng 阮亮 làm Hàn lâm Viện, N. V Đại làm cai cơ, cho mỗi người được 1 người con tập ấm (bản dịch tg 355-356 quyển III)

(1) Của Trần Hiếu (Xem Thực lục C. biên. Bản dịch III 379)

點迷曲序

余自少讀書每見古之聖賢雖或不在其位而憂時憫世之心奉奉不已。今天啟一統。聖天子得天下以正。太平之治可立而待。近因無類棍徒簧惑良善、炎火崑崗之下、殆不勝言。或者殺運未除、元元該有此厄。天也。數也。非所敢知也。惟反求人事、寔有以自取之。同此氣血氣不能不為之動心者。竊慮後生喜於自逞、驅弄許多、疠蠢陷入迷津、載胥及溺。

Tựa khúc Điểm mê

Ta từ thuở bé đọc sách, mỗi thấy ~~đọc~~ thánh hiền xưa tuy không chiếm ngôi xứng đáng, mà lòng ưu thời mẫn thế thì ôm mãi mãi.

Nay Trời mở thời kì nhất thống, nhà Vua với chính nghĩa lấy được thiên hạ. Vậy sự cai trị thái bình có thể lập và đợi được.

Gần đây có tụi côn đồ vô loại, lấy lời lừa dối dân lương thiện, làm cho lửa cháy đến ngọc Côn-sơn, không thể kể xiết. Có lẽ vận giết người chưa hết, cho nên mới có ách này. Đó là Trời chăng? đó là số chăng? Tôi không dám biết đến.

Nhưng quay lại việc người, thật có chỗ có thể có thể suy nghĩ. Cùng chung một khí huyết, ta không thể không động lòng được.

Hôm lo những kẻ hậu sinh, ham tính tự kiêu, đua chơi nhiều, sa xuẩn mắc vào bến mê rồi cùng nhau mà chết đuối

Nhân vậy, ta làm ra một bài quốc-ngữ, tên là

"KHÚC ĐIỂM MÊ"

chép ra sau này. May chỉ giúp kẻ biết quay trở lại, mục đích chỉ thế thôi.

Nay tựa

Gia long năm thứ 7 giữa mùa hè ngày tốt

Chú: Tựa không ký tên. Nhưng theo Đại nam Thật lục thì bài Điểm mê là bởi Nguyễn Văn Thành trấn thủ Bắc thành sai TRẦN HỰU 陳宥 làm (tháng 5 năm thứ 7)
(大南寔錄正編第一紀 卷三十五,頁十一板背.)

因拱出國語一通、名之曰點迷曲、具錄
于左。庶爲知復者之一助云耳。是序
旹
皇朝嘉隆万万年巳七仲夏月吉日

點迷曲 dây rồi

會蕩定群蹎殺運
漢初於𡏦撅清
歲索尼事𦓡丙
国音扒整嗟常
𨤼吞貝法。希𦨭播
𨶒破禍福初𠳨
𦎛国史曾𥙩傳𨎠
御語𠰘。先聖扒𦓡
功德意𦝄𠡦坡𡏦
親勳𥗋𣵶𡨸情

課成周余陣東征
拱群九叛七爭掛𤷍 quay
𠏲𥚇踈飢洪麻傷
擲碑离吉指塘避趨
順時齡麻迸極咍
馭麻極別𨀎斉種鮎
祚黎自户莫僭魁
鉞銅橋吏糆吞正中
筆雲臺烟夛𧢻撐
弟与鄭吏瞄行魁戾

20 10

唉
快𢗼 ngày (sai)
另𢻊 sai
獄
渃吏 (sai)
黎 sai

Điểm-mê khúc

Hội đảng định còn dấy (rồi) sát-vận *chữ Dấy viết [illegible] xem về 98*
Thuở Thành-Chu mấy trận Đông chinh
Hán xưa mấy trận quét thanh
Cũng còn cửu bạn thất tranh quấy ngày
Tuổi tác nầy sự đời đã biếng
Thấy kẻ thơ vào giếng mà thương
Quốc âm chắp chảnh lời thường
Dụng hòa hung cát, chỉ đường tị xu.
Lẽ trời với phép Vua một vạch
Thuận thì lành mà nghịch chẳng hay
Cửa chùa họa phúc xưa nay
Người mà chẳng biết sao tày muông[a] chim

Mở quốc sử từng xem chuyện trước
Bộ Lê từ họ Mạc tiếm ngôi
Nghĩa vâng Tiên-Thánh giúp đời[1]
Việt đông kéo lại mặt trời chính trung
Công đức ấy rạng trong bờ cõi
Bút Vân-đài[2] chói chói đỏ xanh
Thân-huân nặng chút chữ tình[3]
Nào ngờ Trịnh lại dòm hành ngôi thiêng

(a) theo B (AB 602 Đồng phương Bác cổ)

(1) Trỏ Nguyễn Kim

(2) Sử-gia. Vân đài là tên sử-quán đời
Q.S.Diễn ca: Vân đài dưng bút thảnh thơi

(3) Trỏ Nguyễn Hoàng

閲捻術凄惊物宝 點迷
掣兜咾彷文王
㩒櫪䂨沖涌南海
艙坐韹吏故都
眀黎季寢欺須厄
細欺遽培挟衝
悉丕歪事躭少丕
店黎冷了色数
哪量聖𢧚台存厚
色咍興繼裡常
筆一統春秋羨奇

咃黜𠃣藩籓𢧚方
台𣛠𡬶𧜖蜍商𢧚悉 三
𨷶这添坡𡑝交州
賒於悉鄭凭扶鑊黎
旗桓文群隔嫩淹
時西秦色對東周末
天下尼想祀自兜
祀尼西賊別俟者埃
祿欽放蹟𨂻焒香
仍麻至彷呵量鄧油
念尊親上下共印

傾 㗂

Muốn ném chuột song kiêng vật báu
Thà ra làm phên giậu một phương
Xiết đâu ngôi đức Văn-vương
Hai trăm năm lẻ thờ thương một lòng

Cắm cột đá giữa dòng Nam-hải
Mở mang thêm bờ cõi Giao-chu
Hùm ngồi trông lại cố-đô
Xa ủ lòng Trịnh vững phù vạc Lê

Buổi Lê quí gặp khi khuynh ách
Cờ Hoàn-vương còn cách non sông
Tới khi gió bụi quét xong
Thì Tây-Tần đã đuổi Đông-chu rồi

Lòng trời vậy sự người làm vậy
Thiên hạ này tưởng lấy tự đâu
Tro Lê lạnh-lẽo đã lâu
Lấy nơi Tây-tặc biết hầu giả ai

Vâng lượng thánh một hai tồn hậu
Lộc khâm ban dầy dấu lửa hương
Đã hay hưng kế lễ thường
Nhưng mà chí đức há lường đặng ru!

Bút nhất thống xuân thu nghĩa cả
Niềm tôn thân thượng hạ cùng in.

點迷

蜂[illegible]占ヌ[illegible]乾
油租另初矜兕例
[illegible]訥体制豙币
[illegible]戋台員币㳽弊
法嚴[illegible]固令傳
狩渃極城池辟特
周文欺搭灵臺
眀一初鬖尼更置
雙麻不得不為
炟一勞為蒙火逆
雖浪損飭尋茹

草花慍栖山川[illegible]眉
朝莀币侯易空辟
妆用固限黜飢極差
欺奉行極体悬達
裊鳴告細易偏私之
呵極推莀轄麻[illegible]
空用民力摱埃閑除
[illegible]飭民達易悶之
堆巸辭拱固期耒功
羕畐荒欺脱堤黜
斂鍾邈順湄和固饒

Rồng bay chăm chắm ngôi kiền
Thảo hoa vui mặt sơn xuyên mở mây

Dù tô lính xưa nay là lệ
Triều đời nào hẳn dễ không sao
Và trong thể chế dường nào
Thu dùng có hạn, ra vào chẳng sai

Vì một hai viên nào tư tệ
Khi phụng hành chẳng thể lòng trên
Phép nghiêm đã có lệnh truyền
Nếu mình cáo tới dễ thiên tư gì

Giữ nước chẳng thành trì sao được
Há chẳng suy đời trước mà coi
Chu-Văn khi đắp Linh-đài
Không dùng binh lực mượn ai bấy giờ

Buổi nhất sơ nhiều nơi canh trí
Nhọc sức dân trên dễ muốn gì
Song mà bất đắc bất vi
Đôi ba năm cũng có kì rồi công

Rán nhất lao vĩ mong cửu dật
Dường ruộng hoang khi thoắt vỡ ra
Tuy rằng tốn sức người nhà
No chung gió thuận mưa hoà có nhau

吟礦瘻乜俟縱且。
都饒濫甲泑鐄。
踤極別命丕乜定。
浪丁無理理乜停。
踤事理極推極扐。
況之户鄭篭陵。
呵昜屈鞻轄沛債。
焒香拱給祀田。
固聰相昜埃極感。
愚踤極別事情。
塘沛庄分堆乜乙。

俸余民聝侈棍桄
補尼禪詔飢塘蕂芸
美理帝浪鄭浪丁
油如浪鄭麻名美之
踊權臣埃几再與
學隊趙首田恒閉數
令礦洳春海量達
惡麻恩報乜鍼分外
吶美帝麻噉称兵
吏踤群噉称名掛臥
勞鍼虛轄相边。聰

點迷

五

栖　ng. 栖　ng. 桓　禎

Nay nặng nhọc đã hầu thong thả
Bỗng mấy dân nghe đứa côn quang
Đua nhau trộm giáp vàng
Bỏ nơi đệm chiếu vào đường chông gai

Sao chẳng biết mệnh trời đã định
Nghĩa lí nào rằng Trịnh rằng Đinh
Rằng Đinh vô lí đã đành
Dù như rằng Trịnh mà danh nghĩa gì

Sao sự lí chẳng suy chẳng nghĩ
Dấu quyền thần ai kẻ tái hưng
Huống chi họ Trịnh lưng-lửng
Học đòi Triệu Thuẫn, Điền Hằng bấy lâu

Há để quặt trước sau phải trái
Chín nặng nhờ xuân hải lượng trên
Lửa hương cúng cấp tự điền
Oán mà ơn báo đã nên phận ngoài

Có tai mắt để ai chẳng cảm
Nói nghĩa nào mà dám xưng bênh
Ngu sao chẳng biết sự tình
Lại sao còn dám xưng danh quấy người

Đường phải chăng phân đôi đã ắt
Thế nên hư trước mắt bên tai

旹鐘槊拔椳堆
唉此扔尒尼屯府
尒番搏椳枷檏
耒細昳兵冲差撥
㞊旺苩内垃淹
拯說仍陣前被害
尼抗拒准窝藏
語姐㭴乙鞖咍𩎟
咍兜信轄哏徐
奴哭𠊚逋誅内地
暈吳蹺𡏦蹾𨃴

枷㭴珠蟯嘺僞即唭
兵。朝廷留守固包
碑矜固動㩡檏芇空
吏同ヌ掟蜆散蜿
扔冲同類鄭悉隊番
吏𠀲浹所在村庄
如民南下尒廊禍浹
阻衛慍棋国態初
吏𦖻榥匪筭洳艚烏
才力之声𦬑貝埃
縱令鋮沛𧴱悵鄙些一

點迷

90 100

閑 㩡
吶 寨 phai
寓 sau
佸達
ng 如
𨇼

thuẩn nan sáo vạt gậy dùi
Giơ tay châu chấu ghẹo voi tức cười

Hãy thử nghĩ mấy nơi đồn phủ
Bình triều đình lưu thủ có bao
Mấy phen vác gậy giơ sào
Bấy nay có động que rào nào không

Rồi tới lúc binh trang sai viện
Lại đùng đùng vỡ kiến tan ong
Thây phơi đầy nội lấp sông
Nghĩ trong đồng loại chạnh lòng đòi phen

Chẳng thốt những trận tiền bị hại
Lại làm lây sở tại thôn trang
Nơi kháng cự chối oa tàng
Như dân Nam-hạ mấy làng họa lây

Ngỡ dứt tay ắt sau hay thuốc
Trở về vui cày cuốc thói xưa
Hay đâu tin trước hẹn chờ
Lại nghe côn phỉ toan nhờ Tàu Ô

Nó là đứa bô-tru Nội-địa
Bài lược chi thanh thế với ai
Quân Ngô theo lối đuổi dài
Túng mình nên phải chạy hoài sang ta

點，迷

魴冲埮蕘乞蹺鬡
極祐飲襉白藤。
鎮安廣筭飲陷壘
扒衛茂隻買來。
吏時飲古庵翰听
屯太平陣瑞英。
吒之計仍鋪賊𩚵
疠踤默歇劫徒。
踤極𨇜轄轆余陣
奴衹命仍蒙衛。
係勢扱奴時點𧼋

攄踤麻群悃仍腠
空粮吏𧼋出與特帝
乭陣連竹𦀊歡瀋
罘迻𠳨極茂𠳨𩟡餌
鏡余枚缶𢹇臆撐
陣吊罡極散情如炉
恘民些𢯦浽頑愚
貼茹麻侔扰朱鳥艚
欺官兵夾陣進攻
輸時拱默蕘空惜之
底默埃鄒衹刀兵

七

懷 絆軍 擶

Cá trong phủ (chậu) chết đã theo gáy (髩?)
Cớ sao mà còn cậy lăm răng?? (齒夌)
Chẳng xem vào cửa Bạch Đằng
Không lường lại chạy hung-hăng được nào
Trấn Yên quảng toan vào hầm lũy
Hai trận liền trúc chả bèo trôi
Bắt về một chiếc mới rồi
Bốn mươi người chẳng một người no cơm
Lại ngày vào Cổ-am Hàn-sở
Súng mấy mồi đã vỡ mật xanh
Đến Thái-bình trận Thụy anh
Trận nào là chẳng tan tành như tro (灰卢)

Sá chi kể những phô giặc đói
Hót dân ta nhiều nỗi ngoan-ngu
Ngẫm sao mắc hết kiếp đồ
Của nhà mà bỗng đem cho Ô-tàu

Sao chẳng gẫm trước sau mấy bận
Khi quan binh giáp trận tấn công
Nó lấy mình làm mung-xung
Thua thì cũng mắc chết không tiếc gì

Hễ thế gấp, nó thì trút chạy
Để mặc ai chịu lấy đao binh

點迷

細欺戈陣雷霆
事情意呵麻渚透
雖浪地勢賖吹
箕仍民別塘趨向
艚鳥余陣黜飲
决𢧚排終恁捍禦
𢧚方塊動兵塵
意時拱民丕碎主
𨇜極別斫𠭤咍
𠭤南越渃嶽南越
賊吳害𠀧余冬

落淶妾子散情室家
吏固民𨇠踊瞍咘
拱筭逢應信呸匪人
如海陽安廣時𨇜
夫粮極秩拙吊朱埃
窖特壓共於共嘍
吏涿特𠰺尊親於𦹵
恁秉𡢐呵固積私
麻瞍𠊚𤵶朱淶𢜠瘑
課鬬胡瞍別咍空
碑除吏悶𧾿共艚鳥

八

150 140

2 埃 扒 phải 2 双 五 絆 phải 窩 丕 庄

Đời khi qua tận lôi đình
Rạc rời thê-tử, tan-tành thất gia
Sự-tình ấy há mà chưa thấu
Lại có dân nghe dấu nghe hơi
Tuy rằng địa thế xa-xôi
Cũng toan đảo-ứng tin lời phỉ-nhân
Kìa ~~Kìa~~ những dân biết đường xu hướng
Như Hải dương Yên quảng thì sao?
Bầu Ô mấy bận ra vào
Phu, lương, chẳng mất chút nào cho ai
Quyết một bài chung lòng hạn-ngự
Khéo giữ gìn cũng ở cùng ăn
Một phương khởi động binh trần
Lại thêm được tiếng tôn thân ở đời
Ấy thì cũng dân trời tôi chúa
Lòng bình-di há có riêng tây
Sao chẳng bắt (別扌) chước người hay
Mà nghe đứa dại cho lấy chết mòn
Người Nam việt, nước non Nam việt
Thuở Nhuận Hồ nghe biết hay không
Giặc Ngô hại đã mấy đông
Bây giờ lại muốn theo cùng Bầu Ô

呵傷吩頑愚㤪意
塘死生極債咍䜹
戔皮涞𩛂矢刀
戔皮祖另边节礦欣
扐鍼潑源干醱禍
極戈爲余㐌無良
悪貪昜最性常
祕條軀熵仍塘生涯
律叛逆法莣産姤
油梗样𦬑鞊坤容
悽埋迦令。上公
碑矜体德。九重好生
滥瞳乇丁寧開諭
轉傳朱底吼嚮饒
阿從埃律閑数
調朱捹共自輮衛冷
兜姤束尋生𦍛𩲢
油罪漊自首拱他
𤊧节隐道極黜
買𦋦故犯買𦋦頑亮
杏埃别立功贖吏
扒匪渠納在屯負

默迷

罪 固

Khá thương nhỉ! ngoan-ngu đường ấy
Đường tử-sinh chẳng thấy hay sao?
Một bề dây mũi binh đao
Một bề tô lính bên nào nặng hơn?

Nghĩ nên nỗi nguồn-cơn gây họa
Chẳng qua vì mấy đứa vô-lương
Lòng tham dễ tới tính thường
Lấy điều khu-phuến làm đường sinh-nhai

Luật bạn-nghịch phép đời sẵn đó
Dù cành cây ngọn cỏ khôn dong
Song may nhờ lệnh Thượng-công
Bấy nay thể đức Cửu-trùng hiếu-sinh

Trộm nghe đã đinh-ninh khai dụ
Chuyền truyền cho để nhủ răn nhau
« A-tùng ai trót bấy lâu
« Đều cho đổi dữ từ sau về lành

« Đâu đó lại tìm sinh nghiệp cũ
« Dù tội sâu, tội thứ cũng tha
« Bên nào ẩn độn chẳng ra
« Mới là cố-phạm, mới là ngoan-hung.

« Với ai biết lập công chuộc lại
« Bắt phỉ-ai nộp tại đồn-viên

或晃陳許軍前
啣。連包嘰號蒙意
𠰺咍順令。朝廷
嗟吶賓寓悉怢吝
油埃聕恐極聕

係攻拿獲歇懸賞朱
分少民䁟帝分明
乙晃洳福太平享鍾
矯摅饒吝窘塘迷
吉凶群妬嘈吱默悉

點迷

十

Đã so sánh với bản 京北詩進士..
AB 602

184 180

聕 𡨸 ng你墨

« Hoặc là trần tố quân tiền
« <u>Hễ</u> công mã-hoạch người huyền thưởng cho »

Vâng trên đã dặn dò dường ấy
Phận làm dân coi đấy phân minh
Ví hay thuận mệnh triều đình
Ắt là nhờ phúc thái bình hưởng chung

Lời nói thật ngụ lòng xót lẫn
Kẻo đem nhau lẩn-quẩn đường mê
Dù ai nghe, <u>nhẩn</u> chẳng nghe
Cát hung còn đó, khen chê mặc lòng

大南寔錄正編第一紀：嘉隆七年(1908)五年 (Quyển 35, tờ 11)

先是北城羣盜假以奇黎為名，愚民多為所惑。阮文誠令陳宥作點迷曲，詞用国音，以曉示之。

城轄民有作訴屈曲歸之官吏貪冗，所以致盜。誠復令所在广行詞諭。於是人情始安

Trước đó, ở Bắc thành, nhiều trộm cướp giả tiếng tôn họ Lê làm vua. Ngu dân nhiều người bị lừa. Nguyễn Văn Thành sai <u>TRẦN HỰU</u> làm bài <u>ĐIỂM MÊ KHÚC</u>, lời dùng quốc âm, để hiểu thị dân.

Dân Bắc thành có kẻ làm bài <u>TỐ KHUẤT KHÚC</u> đổ lỗi vì quan lại tham nhũng cho nên dẫn đến trộm cướp. Thành sai các chức trách sở tại khai dụ. Từ đó nhân tình mới yên

北京諒逸士陳言

太平有象十分
𠁑固𢪀應隊尼
𨷈點一統隊方
𢆥碎會合竜雲
裡兜智淺倖求
嗔朱特歇愚中
没連大德蓮𩛂
𠹚嗔𨷈𨋤悪仁
困𢬣水火困𡎝
民歪埃庄珠眉

阿南恩返聖君治𦬑
𥙩仁樹暴如𦬑禹湯
於州眾𣾼來王稱臣
包鍼宝渃𥙩民少頭
陳言国語敬奏𢬣蝇
𠫅恩萬倍九重察𤎏
點𦓿扒政台歪治民
傷情兑典傷民時尼
包時貢𤼵吏時朝西
賦煩役重困台民情

陳言1

60 20 人 50

Dật-sĩ Lạng người Kinhbắc bày lời:

Thái bình hữu-tượng thập phân
A-nam mừng gặp Thánh-quân trị đời
Vả muôn (固 → [illegible]) người cùng đội nồi
Lấy nhân đối bạo như đời Vũ Thang
Mở ra nhất-thống đôi phương
Chín châu bốn bể lại vương xưng thần
Vua tôi hội hợp long vân
Đã nên báu nước lấy dân làm đầu
Lẽ đâu trí thiển hành cầu
Trần ngôn quốc-ngữ kính tâu sân rồng:
Xin cho được hết ngu-trung
Trông ơn vạn bội Cửu-trùng xét soi:

Bề trên Đại-đức lên ngôi
Ra tay chấp chính, thay trời trị dân
Dám xin mở rộng lòng nhân
Thương tình đoái đến thương dân thời nầy
Nhân trong thủy hỏa bấy nay
Đã thời Công Chính, lại thì triều Tây
Dân trời ai chẳng chau mày
Phú phiền, dịch trọng khốn dân tình

民時搭壘搓城
從時庄固簡寬
炷秋焒油秦
於時双沛蹺時
意机造化㐌奈
丕鍼茂吏治茂
旬尼斯駢堯王
噉嗔量祕另兵
祕軍𠁣府塘衅
塘外另遂色饒
租庸暫赦一年

陳言2

兵時祕枯棱撑達岸
朱鍼天下彫残戮民
昤時兵焒余吝乱離
困時民鏝別時吗埃
興亡治乱所尼悪丕
歇茂桀紂朝茂禹湯
弄墨揲渃果方安冷
他民四鎮抵停歸農
數兵十万另衅前朝
例初率數另蹺官田
十分煩赦半觧煩朱民

40 40 30 30

Dân thì đắp lũy xây thành
Binh thì lấy gỗ rừng xanh trên ngàn
Việc thì chẳng có giản khoan
Cho nên thiên hạ điêu tàn lắm dân
Cháy lửa dầu tần
Nay thì binh lửa mấy lần loạn-li
Ở thì song phải theo thì
Khốn thì dân chịu biết thì kêu ai
Ấy cơ tạo-hóa đã nài
Hưng vong trị loạn thửa nay lòng trời
Vậy nên đời lại thay đời 治 → 台
Hết đời Kiệt Trụ sang đời Vũ Thang

Tuần nầy gẫm mở Nghiêu vương
Vua ra dẹp nước bốn phương yên lành
Đám xin lượng lấy lính binh
Tha dân tế-tấn để dành qui nông
Lấy quân Ba-phủ Đàng trong
Số binh mười vạn lính trong biên triều
Đàng ngoài lính tuyển bao nhiêu
Lệ xưa suất số lính theo quan-điền
Tổ dung tạm xá nhất niên
Thập phiền xá bán giải phiền cho dân

恪节爆旱湄春
勘時天下調恙
漢初国富刑清
祖庸寬赦半分
治冷啫抵衛齗
呵喈萇肆弄賢
嗔矜各從擲彭
勸民生業耕農
湯初伐桀吊民
渃[illegible]添卒埃皮
况之肆苗黎家

乙咒草木同分蒙韃
弄違民斳調韃治冷
黜弄文帝切情覺民
勸農務本耕耘𠂉[illegible]
秋元富糜埃俁庄喈
𨴽𠂉政治共钺恪之
祖庸吏拙訨期夏冬
公私富給朱朋漢文
吏钺恙政商君盛時
丕钺政治雍熙泰和
罘聶輴治寔咒調數

陳言3

60 60 50 農 50 夏?

Khác nào nắng hạn mưa xuân
Ắt là thảo mộc muôn phần mong trông
Thế thì thiên hạ đều lòng
Vua trên dân dưới đều trông trị lành
Hán xưa quốc phú, hình thanh
Bởi vua Văn-đế thiết tình ái dân
Tô dung khoan xá bán phần
Khuyến nông vụ bản canh vân làm giàu
Trị lành chờ để về sau
phú thứ ai hầu chẳng khen
Khá khen đời trước vua hiền
Mở làm chính trị cũng nên khác gì
Xin nay các việc trước đi
Tô dung lại cứ hai kì hạ đông
Khuyến dân sinh nghiệp canh nông
Công tư phú cấp cho bằng Hán-Văn
Thang xưa phạt Kiệt điếu dân
Lại nên lòng chính Thương-quân thịnh-thì
Nước giàu thêm tốt ai bì
Vậy nên chính-trị ung hi thái hòa
Huống chi trước cựu Lê-gia
Bốn trăm năm trị thật là đều lâu

朋昤法則𢀦強
欽傳詔旨班黜
宋初免役青苗
黜𥚇誤用奸臣
朱𨨧寡户怨嗟
嗔𥚇祕帝麻𥪝
樸𧾿時𦚑共𧾿
軍民世共調𢚸
台載水台覆舟
䏧昤天下向平
箕如項鎮府司

陳言4

駭𧿆𢚸政庄求兇賒
抛初洪德抵和民𧿆
𦖻黜法買仍調害民
侵漁役渃困民台晃
苦穷典餒迸茹鈗空
成湯間𨷈神宗課尼
㴜箕包瀆涌尼牢𠁑
形如影嚮𣋚同水盂
水情共杳民愚之情
路晃撘壘搓城乡之
細昤其地仍時丁黎

其

mở đầu

Bằng nay phép tắc
Hãy theo lòng chính, chẳng cầu đâu xa
Khâm truyền chiếu chỉ ban ra
Cứ xưa HỒNG ĐỨC để hoà dân theo
Tống xưa miễn-dịch, thanh-miêu
Mở ra phép mới những điều hại dân
Bởi vua ngộ dụng gian-thần
Xâm ngư việc nước khốn dân thay là
Cho nên trăm họ oan-ta
Khổ cùng đến nỗi mười nhà chín không
Xin vua lấy đấy mà trông
Thành-Thang giải trước, Thần-tông thuở nầy
Cây ngay thì bóng cũng ngay
Ngăn kia đã đục dòng nầy sao trong?
Quân dân thảy cũng đều lòng
Mình như ảnh hưởng thế đồng thủy-vu
Hay tải thuỷ, hay phúc chu
Thủy tình cũng vì dân-ngu chi tình
Và nay thiên hạ hướng bình
Lọ là đắp lụy xây thành làm chi
Kìa như hạng trấn, phủ ti
Bởi nay kí-địa những thì Đinh Lê

古今埃女易敍
漢文蒙所㙮臺
西周燕課移東
朱铖周道漸衰
㝵𩍣𡗶渃爭強
輌車𨍦乜停刁
𨷑點制作
盘吀大德悲除
𣦍𨔍吏𨷑科試
擬科撰擇色饒
世時買特士賢

李陳初共不爲耗財
𡊨鑪惜損吏排工
平王度易祖宗京畿
典欺戰国埃時尊王
壙周搭拊吏讓秦嬴
車𩍣吏䋦𢷮形庄𠻗
乙罡反蹈亡秦課初
首章吏擬黎初應時
文場武試依如前朝
寔才朱杜庄邀泊錢
才良輔佐功铖治平

陳言5

110 100 ~~100~~ 90 90

Cổ kim ai nỡ dịch đi
Lí Trần xưa cũng bất vi hao tài
Hán Văn mong sửa một đài
Nghìn vàng tiếc tốn lại bãi công
Tây Chu chưng thuở dời đông
Bình-vương độ dịch tổ-tông kinh-kì
Cho nên chu đạo tiệm suy
Đến khi Chiến quốc ai thì tôn vương
Ngày sau sáu nước tranh cường
Nên Chu đáp-đổ lại nhường Tần-Doanh
Bánh xe trước đã rành rành
Xe sau lại nối tệ-hình chẳng răn
Mở ra chế tác phân phân
Ắt là phản vong Tần thuở xưa
Dám xin Đại Đức bây giờ
Cựu chương lại cứ Lễ xưa ứng thi
Ba năm lại mở khoa thi
Văn trường, vũ thí. như y tiền triều
Cứ khoa tuyển trạch bao nhiêu
Thật tài cho đỗ chẳng yêu bạc tiền
Thế thì mới được sĩ hiền
Tài-lương phụ-tá công nên trị bình

民安點任官清
箕如鎮府縣衙
矜吁吏計從民
孚罨[illegible]課茹黎
唉𢆥長治閔茷

𡨸浪本国国寧台晃
覽[illegible]匆行抵和治民
調尾貢口土分官堤
𢧚[illegible]
朱民赤子衆碎特恤

陳言6

122 120 ~~120~~ 110

Dân yên bởi nhậm-quan thanh
Chử rằng bản cố, quốc ninh thay là.
Kìa như trấn phủ huyện nha
Kén (覽 → 攬) người đức hạnh để hòa trị dân
— Nay xin lại kể việc dân
Điều nầy: cộng khẩu, thổ phần quan để
Dựng ra thuở trước nhà Lê
Một năm

Cầu vua trường trị muôn đời
Cho dân xích-tử chúng tôi được nhờ

山南下處各社民等申為叫苦

事由（眾碎）群居在下。生得為民。雖浪蚩蠢至愚、麻惠吉逆凶、共濫別種恒歹歪。自課黎家末造、西賊翕凶。余秋火熱水深、仍蒙特義兵極救。羅語唧。天威掃蕩、大盜夜平。二百年之夏重光、三十載春風再翕。雖時紀綱振整、制度恢張。凡其兵另租庸、共力役土工共冗從古今常理。敢冀吏自求安息苟避征遙。双麻余几奉行庄体量朝廷存恤殊求交迫冗弊多端、迹來之七年間、黽勉含寬無

山南 1

Dân chúng các xã xứ Sơnnam hạ thưa để kêu khổ (văn hồ-lốn, lẫn chữ với nôm. Sau đây. câu nào nguyên nôm thì sẽ viết nghi-ếng; còn phần chữ thì sẽ dịch nghĩa — H.X.Hãn)

« Sự bởi chúng tôi họp bầy ở dưới, sinh được làm dân. Tuy rằng suẫn muội rất ngu, mà những điều hay tốt trái, hưng, cũng trộm biết lẽ hằng làm vậy.

« Từ thuở Lê-già mạt-tạo, (nhà Lê hết vận, giặc Tây dấy lên) bầy tặc phiền hưng. Mấy thu, lửa nóng nước sâu, những mong được nghĩa binh chẩn-cứu. Ngửa vâng: Uy trời quét loạn, giặc cướp dẹp yên. Hai lăm năm, vừng hạ sáng về; Ba mươi tuổi, gió xuân lại thổi.

« Thời nay, kỉ cương chấn chỉnh, chế độ khôi trương. Phàm các việc binh lính, tô dung, cùng việc nặng thổ-công, cũng là việc cổ kim thường lí. Dám đâu lại tự cẩu yên nghỉ, trốn tránh việc xâu. Song mà mấy kẻ phụng hành, chẳng theo lượng triều-đình thương xót, đòi nhiều hỏi gắt, những-tệ nhiều điều. Trong bảy năm nay, mắc oan, không biết kêu vào đâu.

從申許。咋𠫾。光明燭照、遍及逃亡、時
残民拱洳蘇息。叵奈君門萬里、民瘼
週。海角一方、匪徒已動。偽号黎皇鄭主
瞞名差唱桓文、招來逃另漂民、漫
海濱吁勝廣。擾攘太甚、荼毒难堪。顒韃
兵力。朝廷、嗔救。祕一方水火。幸而官軍
進勦、匪党勢窮。時奴吏𧲣飢民居、祕鄉
邑漫彡城壘。威驅世迫民力难當。細欺
陣焰崑崙、時彼党先已逃、庶良民偏
受其害。事労至此、控訴無由。御語哪。德
上公。仰体。上匆、撫恤下民。放下慰撫、

峥2

Ngô họa ánh sáng soi thấu những kẻ trốn tránh thì tàn-dân cũng nhờ sống lại. Không

cửa vua vạn dặm, dân khổ chưa thôi; góc bể một phương, giặc cướp đã dấy. Ngụy xưng Lê hoàng Trịnh chúa, rắp đem danh nghĩa bắt chước Hoàn Văn; Rủ ren lính trốn dân phiêu, quấy rối hải-tần theo đòi Thắng. Quảng. Quấy rầy rất mực, đâu độc khó kham. Ngóng trông binh-lực triều đình, xin cứu lấy ~~nh~~ một phương ~~t~~ nước lửa. May mà quan-quân tới dẹp, đảng giặc thế cùng, thì nó lại chạy vào dân-cư, lấy hương ấp muốn làm thành lũy. Lấy uy áp bức, sức dân khó đang. Tới khi trận lửa Công-cương, thì đảng chúng đã chạy trốn trước, mà dân lành riêng chịu hại. Sự thế như vậy, kêu kiện vào đâu.

Ngửa vâng Đức Thượng-công, tính theo thượng đức, thương xót hạ dân, ban lời ~~ủy~~ vỗ-về xuống.

傳詞、丁寧告戒。衆碎。欽傳捧讀、膚髮知生。
吏濫覽點、迷一曲開視頑民。鳴咽求憐、
吐情叫苦。窃念民情隱曲、文字難盡以
形容。為此直遵国語、俯述歌詞。顏曰許
屈歌。伏乞。垂情、宠照。其歌詞具列于
左

山南3

đinh ninh cảnh-cáo và can răn.

Chúng tôi vâng lời truyền kính đọc, thì da tóc lại thấy sống.

Lại trộm thấy một khúc Điểm-mê để mở mắt cho dân ngoan-ngạnh.

Đối lễ Dâu và ngoan　　Đại NH mở đau O

訴屈歌

蜂悲占占䪨乾
草花㥧𣡗山川𦍒瞿

𡗉茹罙𣽈森園
泣和南北東西賒斯

貞之南下余民
𠄼𨋣矜色余吝默宽

余尼平治羕残
吏群浽哨愚頑底茈

咍為濵海賒𤀓
太陽俁易𤋾𤍶覆盈

罙𣽈調拱碎琨
同仁之底怞群一夫

語哪量𣽈察朱
倫殞嗔引緣由余咥

敢𠳨吶事賒吹
𫧸黎課𨋤余茈興隆

拱兵另拱租庸
拱城拱壘呵空庥之

尊親哪旨𡗉皮
迎命宠㝵恧葵向陽

訴屈 1

見大南寔/

Tố khuất ca

Rồng bay chầm chậm ngôi hiền
Thảo hoa vui mặt, sơn xuyên mở mày
Một nhà bốn bể sum vầy
Khắp hòa Nam Bắc Đông Tây xa gần
Riêng chi Nam hạ mấy dân.
Hai năm nay đã mấy lần mắc oan
Mấy nơi binh trị hoang tàn
Lại còn mang tiếng ngu ngoan để đời.
Hay vì tấn hải xa khơi
Thái dương hầu dễ đuốc soi phúc-bồn
Bốn bề đều cũng tôi con
Đồng nhân chi để sót còn nhất phu
Ngửa vâng lượng bể xét cho
Luận ban xin dẫn duyên do mấy lời:
Đám đâu nói chuyện xa-xôi
Vua Lê thuở trước mấy đời hưng long
Cũng binh lính, cũng tô dung
Cũng thành, cũng lũy, há không mà gì!
Bổn thân vâng chỉ một bề
Nghiêng mình đem tấc lòng quì hướng dương

Nam Tây Sơn

油埃犯分干常
能兜興廢机丕
黜埃醆王蕭墻
𠊛筭者女究家
𠫾泑淶禍烙城
隌搋訴力治茷
丁田鐳貝曾調
害民盃𥙩𡗉𠊛
田時額外徵求
丁時邑簿點依
計兜掣餒弊端

訴屈2

春秋𠄩𡦂尊王庄移
細𢆥丙午事茷桑滄
𧥇淶吹几㐌塘西黜
朱鋮類偽𠂉虛民冷
干戈隊陣生灵余躭
欽傳𡗉𨎠信牌鐃𨍦
炟砟黜𦛜剌猫𥙩腥
從田𠀧乢從丁強油
計自間架牛頭麻𡗉
點自老項孤兒補錢
庄能𡗉古從官余紳

40 30

醆 亥? Sai

Dù ai phạm phận can thường
Xuân-thu hai chữ tôn vương chẳng dời
Hay đâu hưng phế cơ trời
Tới năm Bính-ngọ (1786) sự đời tang thương
Bởi ai tiêu-tướng
Thù lây xui kẻ đem đường bầy ra
Mình toan trả nợ oan gia
Cho nên loài ngụy làm hư dân lành
Cá ao lây họa lửa thành
Can qua đòi trận, sinh linh mấy người
Luống đem trá-lục trị đời
Khâm truyền đi trước, tín bài theo sau
Đinh điền xoi bói từng điều
Rán sành ra mỡ, mỡ mèo lấy tanh
Hại dân ích lấy một mình
Việc điền đã ngặt, việc đinh lại rầu
Điền thì ngạch ngoại trưng cầu
Kể từ giàn-giá ngưu đầu mà đi
Đinh thì ấp-bộ điểm y
Đến từ lão-hạng cô-nhi bổ tiền
Kể đâu xiết nỗi tệ-đoan
Chẳng hay một cỗ việc quan mấy tròng

渃㳥炤吏強濃
㐌𨖅時吏㐌期
节埃旡德旡仁
𡌿運象黜天机
潡南𣅶𦹵鐮神
春京挽吏海河
漣禎昆𧡊捷淹
㝵浪王土王民
哂麻壘搭城搓
勤劳之敢𥒥顯
困為仍几奉行

許屈3

𨁪茹時典𣱆空群之
鑊奸雄炟𤈠㾓腨民
抉蔡荄捷𥘀禎鄧洳
來干霒霏𨔈湄洒潤
㨂𡃇淹𧋆吝吝𪖫黜
𠫾聶(會)㳥茹北南
太平惻特跨祜俱斯
田租兵賦旡分初𦝄
以𨁡𥑥共固𠰘來功
勉來從渃時衛從𠳐
庄咍休量朝廷好生

Nước sâu lửa lại càng nồng
Mười nhà thì đến chín không còn gì
Một năm thì lại một kì
Vạc gian-hùng rán khét lì mỡ dân
Nào ai là đức là nhân
Quét chông gai, đặt chiếu chăn đặng nhờ
Hây vần tượng bởi thiên-cơ
Rồi còn sấm sét, gió mưa rưới nhuần
Bể nam ba thước gươm thần
Trở non sông cũ lần lần mở ra
Xuân kinh đem lại sơn hà
Hai trăm hội , một nhà Bắc Nam
Trên chăn con đỏ đặt êm
Thái bình mừng được đứng xem hầu gần
Chữ rằng vương-thổ, vương dân
Điền tô binh phú là phần xưa nay
Dẫu mà lũy đắp thành xây
Làm sao ắt cũng có ngày rồi công
Cần lao chi dám ngại ngùng
Miễn rồi việc nước thì xong việc mình
Khỏi vì những kẻ phụng hành
Chẳng hay thể lượng triều đình hiếu dân

役官停乇固銀
田租産固例常
𥗾為銭[牲]銭揀
𢧚成粟揭除耗
庄時唉底麻𣇜
夕𪐝朱鄧朱衛
节守隸节差負
細欺納特阻術
餧兵另買添強
步時宮館分城
役之動典時銭

責埃驗蛒添瑱穭塘
拋𠁑体定茹王𥗾之
欺嗔此寔六[租]引飢
秃宄飢帝銭交閉除
貌恃價下几驢艮斜
吏群民領合同余番
黜尭時拱罡銭買聵
役沖課例外時過賍
𥗾泥[買][吏]烴煒軍情
水時船艚海艋役官
計𣝣領債計𢁋傭功

Việc quan đành đã có ngần
Trách ai vẽ rắn thêm chân ghe đường
Điền tô sẵn có lệ thường
Cứ trong thể định nhà Vương, nặng gì
Nặng vì tiền tiền
Khi xin
. thành túc trữ hao
Thóc đem vào đấy, tiền giao bấy giờ
Chẳng thì hãy để mà chờ
Người gìm giá hạ, kẻ lừa đong
Làm sao cho đặng cho xong
Lại còn dân lính hợp đồng mấy phen
Nào thủ-lệ, nào sai viên
Ra đâu thì cũng là tiền mới nghe
Tới khi nộp được trở về
Việc trong khóa-lệ, ngoài thì qua tang
Nỗi binh lính mới thêm càng
Nặng nề với lại <u>chơi-chang</u> quân tình
Bộ thì cung, quán, phần thành.
Thủy thì thuyền, giã, hải-mành việc quan
Việc chi động đến thì tiền
Kể trăm lính trại, kể nghìn dung câng

dịch

兵軍埃几傷悉
吏群礼節防笈
錢給斂錢輸撻
祕兇朱產銅錢
過澄細餕迯漂
差未供給單申
兵財㐌從包衝
鎮营哧撻屋圖
吏傳增築修培
達𪎏保包特安
都尉楚併分釐

許屋 5

仃浪功另渃淹管之
𠬠喙注炷几𢭸吒該
併冲𢧚腑欣外迸貫
仍芒工女化鋮乞饒
吏浪滿課堵調朱民
𢧚㭲始替余吝添功
吏群力從土工閑除
搭搓𨁪肆功夫買未
仍冲從𠂫包㐌絆連
達排率吏差傳破移
支分揲筱限期揀釘

100 thay? 90

Binh quân ai kẻ thương lòng
Đành rằng công lính nước sông quản gì
Lại còn lễ tết phòng bè
Người đòi chú bếp, kẻ ghè cha cai
Tiền cấp liệm, tiền thâu bài
Tính trong một tháng hơn ngoài mười quan
Lấy đâu cho sẵn đồng tiền
Những mang công nợ, hoá nên ngặt-nghèo
Quá chừng tới nỗi đào phiêu
Lại rằng mãn khóa đổ điều cho dân
Lại rồi cung cấp đơn thân
Một tên thầy thế mấy lần thêm công
Binh tài hai việc đã xong
Lại còn lực-dịch, thổ công bấy giờ
Trấn-dinh vâng cứ họa đồ
Đắp xây ngày trước công phu mới rồi
Lại truyền tăng trúc tu bồi
Những trong việc ấy đã hai bận liền
Trên vai bảo đã được yên
Đặt bày suất lại sai truyền phá đi
Đo tấc thước, tính phân li
Chia phần cắm thẻ, hẹn kì đóng đanh

𠄩𢆥𠀧絆功程
遣民挭搏𠇍牢
督令栖買吏強
從官埃敢庄勤
瘏痼节别傷埃
細欺分坦賍𢧚
𠇍朱窒隊岂饒

嗷浪戔鎮民情别包
冲迸戔鎮鎮节勘庄
洳欺從渃尋塘歛民
嘀𦝄挭𥗺𨀈𨅸跳𩯀
拁栖𦓿戔打檑𥙩錢
強驢曾覺強慳曾調
𠇍朱典法補迸買𦖑

訴屈 6

Hai năm ba bận công trình
Gãi rằng một trấn dân-tình biết bao
Khiến dân gánh vác làm sao
Trong mười một trấn trấn nào thế chăng?
Đốc lính tay mới lại càng
Nhờ khi việc nước tìm đường kiếm dân
Việc quan ai dám chẳng cần
Lê vai gánh nặng, rảo chân bước dài
Nhọc nhằn nào biết thương ai
Giơ tay già một đánh roi lấy tiền
Tới khi phần đất gần nên
Càng lừa từng cạnh, càng <u>ken</u> từng điều
Làm cho rất đói ngặt nghèo.
Làm cho đến phép, bô đào mới ~~thôi~~ nghe



Điểm mê
a-tuỳ 167
ao vàng 67
Binh-di 146
Bạch Đằng 111
Bất đắc bất vi 59
Binh Trọng 93
Bồ trà 105
Bình trần 143
canh bi 57
cạt hung 184
cổ phạm 172
cổ âm 117
Cửu ban 九板 4
Cửu đất 61
cửu Trùng 164
chanh lòng 96
châu chấu 88
chu. Vân 55
chấp chánh 7
chí đức 40
chỉnh 78
chính trung 16
Dạng mũ chụp sào 155
Dây: di 38
Dinh hành 20
Dấu 74, 134
Dao ưng 136
Dàng đình 1
Đình 70, 71
Điền hãng 76
Đời phân 96
Đông chinh 2
Đông. chu 32
Đơn viên 174

— Ban nghịch 161
Hải đường 138
Hàn sở 117
Hoà 3
Hạn ngụ 141
Hoàn Văn 30
Hầu 65
Hiếu sinh 164
Hung cat 8
Hưng Kế 39
Huyền Khuỷ 176
Yên quang 113, 138
Kiếp đồ 123
Khâm ban 38
Khuynh ách 29
Khu phiến 160
Khai-Đạ 165
Lê quí 29
Linh đài 55
lối đinh 131
lung lăng 75
minh cáo 52
mung xung 127
Mã hoad 176
Nam hạ 100

ngày 4
ngồi Kiến 43
ngoan-ngu 122, 153
ngoan hung 174
nhất sở 97
nhất lao 61
nhuận Hồ 150
nhẫn 183
oa tang 99
phủ-cư 174
phủ nhàn 136
phiên ngoài 80
phố: 121
phủ 釜 109
phục hành 50
quật 77
quyền thai 74
quan tiền 175
rối công 60
sáo vật 87
Sát vận 1
Sơn Xuyên 44
sinh nhai 160

Tam Ô 104/124 N, 139, 152
Tai lung 74
Tây tặc 36
Tây tấn 32
Tô linh 45, 154
Tư đệ 49
Tự điển
Ti xu 8
Triều 王 15
Tộ đế 14
tồn hân 37
tồn thần 42, 144
Thượng công 163
Thái bình
Thuy anh 119
thốt 97
thể chế 47
Thánh (giảng) 37
Thanh chu 2
Thân huân 19
Thất hạnh 4
Thảo hoa 44
Thể 50, 164 (thể đức)
Thuần nan 87
Triều Thuận 76
Trần tố 175
Trúc chỉ 113
Trúc chay 129
vạc lễ 28
Vân đài 18
Việt đông 16
Võ lượng 158
Xa ư 28
Xu hướng 137
Xuân thu 41
Xuân hai 78

BULAC



1

BULAC

ARC HOANG 15

NW40

册
寀
鋪

嘉隆七年五月日

點迷曲

黃春瀚手抄

依首本東方

AB 496